

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng hơn 10 điểm trong ngày hôm nay, kết phiên tại mốc 1,782.82 điểm, chủ yếu nhờ cổ phiếu VHM. Số mã tăng nhiều hơn số mã giảm, 11/18 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, HNX và bán ròng trên sàn UPCOM. Thị trường đã vượt đỉnh cũ 1,766.85. Trong những phiên tới, rung lắc có thể xảy ra tại đỉnh khi nhịp tăng gần đây của thị trường hầu hết phụ thuộc vào cổ phiếu Vin.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 411IG6000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 24/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+10.67** điểm, đóng cửa tại **1782.82** điểm. HNX-Index **-2.87** điểm, đóng cửa tại **252.6** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+7.73)**, **STB (+1.19)**, **VPB (+1.08)**, **GEE (+0.86)**, **LPB (+0.68)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VJC (-0.95)**, **VNM (-0.50)**, **VPL (-0.40)**, **VCB (-0.37)**, **HPG (-0.34)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,020** tỷ đồng, giảm **-6.99%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,336 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 31.33 điểm. Thị trường có **144** mã tăng, 59 mã tham chiếu, **169** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1078.73** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (221.76 tỷ)**, **MBB (144.69 tỷ)**, **SSI (140.13 tỷ)**, **MWG (133.01 tỷ)**, **VND (121.86 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **12.09** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.57%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+6.88%) [\(Link báo cáo\)](#)
STB (+4.82%)
VCI (+3.94%)
- BSC50 **-0.02%**. Các mã diễn biến tích cực:
BAF (+3.06%)
PNJ (+2.57%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVT (+2.44%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.57%	-0.02%	0.60%	0.51%
1 tuần	2.45%	1.49%	6.52%	6.60%
1 tháng	-0.75%	-1.97%	6.88%	5.57%
3 tháng	-3.47%	-8.45%	7.01%	8.85%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,782.82	252.60	119.90
% 1D	0.60%	-1.12%	-0.04%
GTKL (tỷ VND)	21,020	1,100	453
%1D	-6.99%	-23.80%	-15.82%
GDNN (tỷ VND)	1078.73	12.09	-27.40

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	221.76	DGC	-96.65
MBB	144.69	VIC	-80.02
SSI	140.13	HPG	-72.03
MWG	133.01	GMD	-57.30
VND	121.86	DIG	-52.04

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,910	0.46%	1.61%
FTSE100	9,870	-0.20%	0.97%
Eurostoxx	5,749	0.24%	0.37%
Shanghai	3,941	0.53%	1.83%
Nikkei	50,344	-0.14%	1.71%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

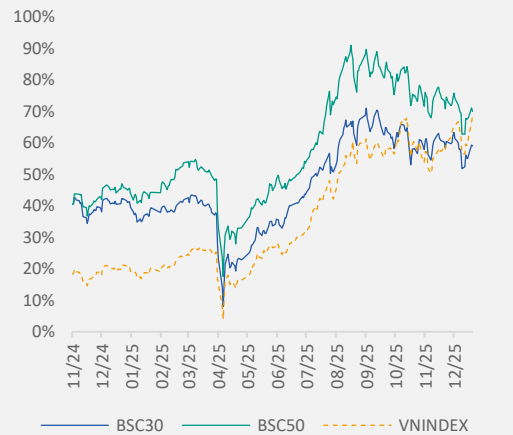
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.59	0.19%
Giá vàng	4,484	-1.00%

Tỷ giá		
USD/VND	26,403	
EUR/VND	31,859	0.20%
JPY/VND	173	0.58%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	0.00%
LS LNH 1M	7.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

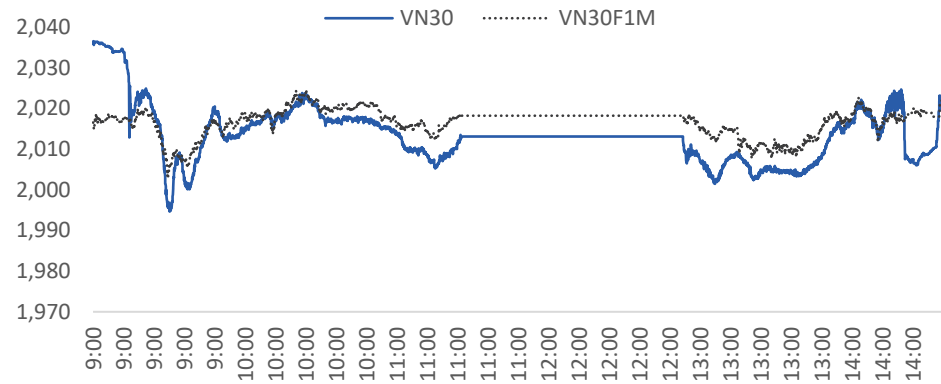
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	2022.00	0.35%	280,524	14.3%	15/01/2026	22
41I1G6000	1999.20	-0.04%	41	-46.1%	18/06/2026	176
41I1G1000	2022.00	0.35%	280,524	14.3%	15/01/2026	22
41I1G3000	2003.00	0.04%	69	-47.73%	19/03/2026	85

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +10.26 điểm, đóng cửa tại 2023.13 điểm. Biên độ dao động 30.91 điểm. Các cổ phiếu như VHM, STB, VPB, LPB, SHB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc xanh sau 1 ngày giằng co quanh ngưỡng 2,015 điểm. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G6000. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G6000, 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2534	9/02/2026	47	140,100	23.82%	71.70	490	96.0%	0.17	72.68	58.70	58.70
CFPT2505	9/01/2026	16	207,300	44.36%	134.87	30	50.0%	0.00	135.12	93.60	93.60
CFPT2534	26/05/2026	153	101,000	21.60%	103.92	1,000	31.6%	0.37	113.82	93.60	93.60
CVIC2517	26/05/2026	153	100	1.41%	122.50	9,940	31.1%	10.12	172.20	169.80	169.80
CVHM2518	4/05/2026	131	59,300	2.31%	91.00	4,330	29.3%	4.24	125.64	122.80	122.80
CSTB2538	26/05/2026	153	25,500	8.13%	54.50	2,990	27.2%	2.87	63.47	58.70	58.70
CVHM2524	18/01/2027	390	239,200	51.11%	147.00	4,820	26.2%	1.39	185.56	122.80	122.80
CVHM2519	25/05/2026	152	77,000	11.77%	108.20	4,150	23.5%	2.93	137.25	122.80	122.80
CSTB2530	25/06/2026	183	25,600	22.73%	67.80	2,120	22.5%	1.85	72.04	58.70	58.70
CMSN2518	4/05/2026	131	54,400	26.77%	90.00	660	22.2%	0.25	96.60	76.20	76.20
CVHM2522	25/06/2026	183	237,800	15.45%	117.69	3,010	19.9%	1.97	141.77	122.80	122.80
CVHM2525	26/05/2026	153	116,700	10.34%	107.00	4,750	19.6%	3.57	135.50	122.80	122.80
CSTB2528	23/02/2026	61	2,779,100	-0.32%	49.00	3,170	18.7%	3.52	58.51	58.70	58.70
CVHM2523	16/10/2026	296	45,500	40.07%	140.00	4,000	18.7%	1.31	172.00	122.80	122.80
CSHB2515	26/05/2026	153	429,800	17.46%	18.20	1,650	17.9%	1.32	19.85	16.90	16.90
CSHB2511	24/02/2026	62	136,500	16.51%	18.00	1,690	17.4%	0.71	19.69	16.90	16.90
CVHM2516	23/06/2026	181	6,900	8.96%	79.00	13,700	17.1%	11.47	133.80	122.80	122.80
CSTB2527	25/06/2026	183	93,700	26.67%	66.56	1,560	16.4%	0.81	74.36	58.70	58.70
CSTB2513	12/01/2026	19	283,600	0.03%	39.00	4,930	16.3%	4.95	58.72	58.70	58.70
CVHM2520	23/07/2026	211	2,500	16.82%	111.90	6,310	16.2%	4.04	143.45	122.80	122.80

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 24/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CSTB2534 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 96.00%. CSTB2528 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.02%.
 - CVHM2521, CDGC2501, CFPT2503, CVRE2526, CSSB2509 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	122.80	6.88%	7.69
STB	58.70	4.82%	3.66
VPB	29.30	2.09%	2.10
LPB	42.80	2.39%	2.10
SHB	16.90	3.68%	1.44

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VJC	199.00	-3.63%	-3.16
VNM	61.50	-1.76%	-1.49
HPG	26.55	-0.75%	-1.38
DGC	65.00	-5.25%	-1.28
FPT	93.60	-0.43%	-0.95

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	122.80	6.88%	7.73	4.11
STB	58.70	4.82%	1.19	1.89
VPB	29.30	2.09%	1.08	7.93
GEE	209.00	5.03%	0.86	0.37
LPB	42.80	2.39%	0.68	2.99

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	21.70	1.40%	0.16	0.90
MBS	26.80	1.13%	0.12	0.66
PGS	54.00	6.93%	0.11	0.05
VIF	15.90	2.58%	0.09	0.35
CEO	22.80	0.88%	0.07	0.57

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	122.80	6.88%	7.72	9.98
TEG	7.01	6.86%	0.01	1.18
HRC	25.80	6.83%	0.01	0.00
LM8	14.95	6.79%	0.00	0.04
VTB	18.20	6.74%	0.00	0.13

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SJ1	13.80	9.52%	0.23	0.00
ALT	12.80	9.40%	0.03	0.00
API	7.60	8.57%	0.23	0.91
GMA	57.00	8.57%	0.40	0.00
TKU	14.40	7.46%	0.21	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VJC	199.00	-3.63%	-0.95	0.59
VNM	61.50	-1.76%	-0.50	2.09
VPL	102.00	-0.97%	-0.40	1.79
VCB	57.00	-0.35%	-0.37	8.36
HPG	26.55	-0.75%	-0.34	7.68

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	68.00	-8.11%	-2.95	0.90
PVI	88.00	-1.46%	-0.18	0.23
PVS	33.60	-1.75%	-0.18	0.51
DTK	11.90	-2.46%	-0.12	0.68
NVB	13.80	-0.72%	-0.11	1.92

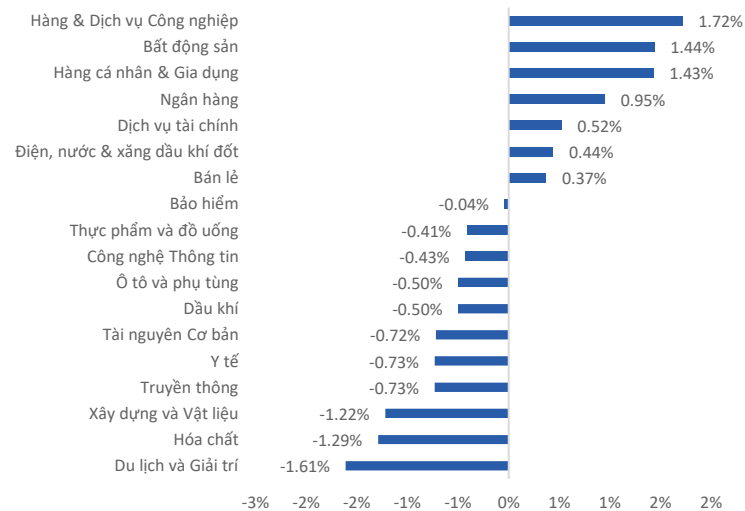
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HID	6.92	-6.99%	-0.01	1.84
SVD	5.46	-6.98%	0.00	0.02
SHI	16.00	-6.98%	-0.04	0.44
TNT	6.78	-6.87%	-0.01	0.49
DCL	42.50	-6.59%	-0.05	1.10

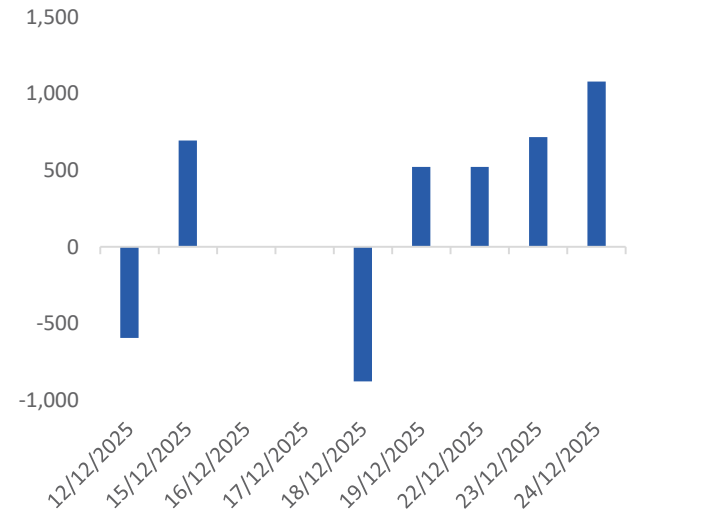
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VC6	21.30	-9.36%	-0.09	0.00
KSF	68.00	-8.11%	-20.40	0.08
VHL	10.00	-7.41%	-0.08	0.02
VC1	12.60	-7.35%	-0.05	0.00
EBS	10.50	-7.08%	-0.03	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	88.0	0.6%	1.2	129,224	599.0	3,956	22.2	106,000	46.9%	Link
KBC	Bất động sản	34.2	0.2%	1.1	32,161	145.8	1,872	18.2	46,000	10.2%	Link
KDH	Bất động sản	33.0	-0.2%	1.3	36,977	186.1	857	38.4	39,900	28.1%	Link
PDR	Bất động sản	20.1	-0.5%	1.6	20,006	189.6	211	95.0	28,200	8.4%	Link
VHM	Bất động sản	122.8	6.9%	1.1	504,390	1193.1	6,133	20.0	119,600	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	93.6	-0.4%	0.6	159,448	372.5	5,280	17.7	118,700	39.0%	Link
BSR	Dầu khí	16.2	-0.3%	0.0	80,868	107.6	413		23,200	1.0%	Link
PVS	Dầu khí	33.6	-1.8%	1.5	17,184	209.3	2,841	11.8	42,800	13.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.3	1.1%	1.3	25,109	200.1	1,353	17.2		34.2%	
SSI	Dịch vụ tài chính	31.4	1.8%	1.3	78,096	716.8	1,864	16.8		32.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.7	3.9%	1.3	30,306	429.2	1,582	22.5		14.6%	
DCM	Hóa chất	32.1	-1.1%	1.2	16,994	31.0	3,578	9.0	47,300	3.6%	Link
DGC	Hóa chất	65.0	-5.3%	1.2	24,686	648.3	8,296	7.8	109,300	7.5%	Link
ACB	Ngân hàng	24.3	0.4%	0.9	124,821	218.8	3,385	7.2	28,400	28.6%	Link
BID	Ngân hàng	38.4	1.1%	0.9	269,620	75.9	3,781	10.2	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	35.3	0.9%	1.1	274,174	332.3	4,292	8.2	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	27.9	1.3%	1.2	139,397	696.1	2,824	9.9	34,400	23.6%	Link
MBB	Ngân hàng	25.3	0.8%	1.1	203,791	630.7	3,017	8.4	29,300	21.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.6	0.0%	1.1	39,312	76.3	1,729	7.3	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	58.7	4.8%	1.1	110,662	1152.1	6,519	9.0		14.3%	
TCB	Ngân hàng	35.0	0.4%	1.0	247,664	551.4	3,111	11.2	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.4	0.3%	1.1	48,268	141.3	2,358	7.4	-	24.8%	Link
VCB	Ngân hàng	57.0	-0.4%	0.9	476,273	253.1	4,202	13.6	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.9	0.9%	0.9	60,932	330.6	2,225	8.1	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.3	2.1%	1.1	232,464	645.8	2,603	11.3	35,650	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.6	-0.8%	1.2	203,784	996.3	1,876	14.2	33,170	20.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	0.6%	1.2	9,874	33.8	1,178	13.5	19,800	4.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.4	1.4%	1.2	10,930	207.9	4,150	6.8	28,800	2.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.2	0.1%	1.2	110,179	478.5	2,196	34.7	98,300	22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.5	-1.8%	0.7	128,532	307.7	4,160	14.8	64,500	50.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.0	0.50%	1.3	8,847	50.3	2,410	16.6	22.3%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	146.6	-0.61%	0.9	24,966	37.4	3,620	40.5	32.4%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	56.0	0.00%	1.2	41,570	24.6	3,578	15.7	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	18.2	0.83%	1.4	14,495	189.3	523	34.8	3.5%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.2	1.40%	1.5	20,190	197.5	399	45.5	25.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	24.3	0.21%	1.3	4,854	75.6	3,057	8.0	3.1%	25.2%	
HDG	Bất động sản	28.7	0.70%	1.5	10,599	56.8	938	30.5	20.6%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	37.2	0.54%	1.4	14,117	28.6	4,849	7.7	11.5%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	31.5	-1.25%	1.3	15,281	61.2	2,213	14.2	44.8%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	52.4	0.38%	1.1	12,687	6.3	5,474	9.6	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	29.8	-0.50%	1.0	5,355	6.3	1,763	16.9	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	19.0	0.80%	1.4	17,330	90.1	801	23.7	12.2%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	169.8	-0.06%	1.0	1,308,484	2136.2	1,147	148.0	3.1%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	34.7	1.17%	1.0	78,736	311.3	2,144	16.2	13.7%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.2	-0.56%	1.2	7,453	5.8	1,833	19.2	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	35.2	-1.26%	0.9	44,661	37.5	2,090	16.8	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.7	0.73%	1.1	15,370	199.2	1,602	17.3	10.0%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.6	-0.59%	1.3	11,642	40.8	1,262	26.6	25.0%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.8	1.13%	1.7	17,653	78.2	1,664	16.1	3.6%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.1	1.23%	1.0	159,496	102.3	5,014	13.2	1.9%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	-0.39%	1.2	39,115	78.3	680	18.8	4.5%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.0	-0.65%	0.7	33,041	16.2	4,776	12.8	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	199.0	-3.63%	1.0	117,731	444.0	2,897	68.7	7.4%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.0	-0.79%	1.4	39,706	298.1	2,313	19.0	8.1%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.0	0.84%	1.2	25,590	243.1	3,497	17.2	42.0%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.0	0.83%	1.1	10,301	61.4	6,185	9.9	7.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.9	2.44%	1.1	8,882	76.8	2,090	9.0	9.3%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	97.8	0.00%	0.0	11,910	25.7	3,139	31.2	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	95.8	2.57%	1.1	32,682	89.8	6,913	13.9	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.8	-0.37%	1.0	3,003	30.6	2,535	10.6	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.0	-0.55%	1.4	2,317	5.1	2,861	6.3	16.3%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.4	0.68%	1.1	15,196	33.4	1,212	18.4	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	26.0	-0.95%	1.2	104,000	37.5	1,569	16.6	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.4	-0.22%	1.3	41,725	115.6	1,635	13.7	2.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	42.8	2.39%	0.4	127,856	112.6	3,469	12.3	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.5	0.69%	0.0	24,877	180.9	2,337	6.2	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.2	-0.82%	0.9	32,356	24.7	1,460	8.3	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.2	0.33%	1.3	6,803	30.3	571	26.6	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.9	-1.65%	1.3	7,149	30.1	2,829	9.5	4.5%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.0	3.06%	0.6	11,249	173.7	1,715	21.6	3.3%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.8	-1.41%	0.6	62,589	51.1	3,373	14.5	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	53.6	-1.29%	1.0	12,031	33.6	6,944	7.7	19.4%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	176.1	-3.77%	0.4	14,416	21.2	14,639	12.0	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	78.3	0.88%	1.2	8,339	22.5	6,245	12.5	48.9%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.5	-0.60%	1.1	9,551	15.8	5,128	16.3	4.9%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	40.8	-1.09%	1.3	4,113	9.4	3,037	13.4	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.5	-1.46%	1.2	6,715	101.0	1,106	12.2	10.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.1	0.23%	1.1	9,089	71.9	1,377	16.0	12.6%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.5	-0.64%	1.1	15,160	85.3	6,148	3.8	4.5%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.2	-0.60%	1.4	18,472	22.3	3,090	13.3	2.6%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>